

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại

HOÀNG XUÂN PHONG

Vietinbank

Kinh doanh ngoại tệ đã và đang là hoạt động mang lại lợi nhuận không nhỏ trong tổng lợi nhuận chung của ngân hàng. Tuy nhiên, hoạt động này cũng đang tiềm ẩn nhiều rủi ro trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt trước tác động của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ trên thế giới và những khó khăn của nền kinh tế Việt Nam hiện nay, và đang là thách thức lớn đối với công tác quản trị rủi ro của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Bài viết phân tích và đánh giá thực trạng quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ của NHTM, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ tại hệ thống NHTM Việt Nam.

1. Diễn biến của tỷ giá trên thị trường tiền tệ

Công tác quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ tại các NHTM cần theo sát diễn biến tỷ giá và cơ chế điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Cơ chế tỷ giá của Việt Nam hiện nay là cơ chế linh hoạt có quản lý, được hình thành trên cơ sở cung cầu ngoại tệ trên thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Theo đó, hàng ngày,

NHNN Việt Nam tính toán và thông báo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng giữa VND với USD làm cơ sở để các tổ chức tín dụng (TCTD) ấn định tỷ giá mua bán USD/VND trong biên độ so với tỷ giá bình quân liên ngân hàng do NHNN quy định. Tỷ giá giữa VND với các ngoại tệ khác do các TCTD tự ấn định.

Năm 2009, để bình ổn thị trường ngoại tệ nhằm giảm bớt căng thẳng



trên thị trường, trước tình trạng doanh nghiệp găm giữ ngoại tệ, không chịu bán lại cho ngân hàng, NHNN đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp như mở rộng biên độ tỷ giá từ $\pm 3\%$ lên $\pm 5\%$, áp dụng từ ngày 24/3/2009 nhằm giảm bớt sự chênh lệch tỷ giá giữa thị trường tự do và thị trường chính thức; kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh ngoại hối của các TCTD bảo đảm các quy định quản lý ngoại hối được thực hiện nghiêm túc nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối cung- cầu ngoại tệ.

Tuy nhiên, tình hình mất cân đối cung- cầu ngoại tệ lại xuất hiện trở lại vào tháng 11/2009 do ảnh hưởng của thông tin về mức thâm hụt cán cân thương mại ngày càng tăng và dự trữ ngoại hối suy giảm, mà đặc biệt là dưới tác động của cơn sốt giá vàng. Mức chênh lệch tỷ giá giữa hai thị trường tăng mạnh, từ mức xấp xỉ 800 VND đầu tháng 11/2009 lên gần 1.700 VND/1 USD vào cuối tháng 11/2009. Trước tình hình đó, NHNN đã lập tức công bố cho nhập khẩu vàng nhằm giảm sức ép lên cung vàng; qua đó, hạ bớt sức nóng của đồng USD trên thị trường tự do, đồng thời điều chỉnh tỷ giá BQLNH tăng 5,44%, từ mức 17.034 VND/1 USD ngày 25/11/2009 lên 17.961 VND/1 USD áp dụng cho ngày 26/11/2009; thu hẹp biên độ giao dịch từ mức $\pm 5\%$ xuống mức $\pm 3\%$ và tăng lãi suất cơ bản VND lên 8%. NHNN cũng cam kết hỗ trợ bán ngoại tệ cho

các TCTD có trạng thái ngoại tệ từ âm 5% trở xuống. Bên cạnh các quyết định trên của NHNN, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 2578/TTg-KTTH yêu cầu 7 tập đoàn, tổng công ty Nhà nước bán ngay số ngoại tệ dưới dạng tiền gửi và các nguồn thu vãng lai cho các TCTD được phép hoạt động ngoại hối để góp phần giảm áp lực lên nguồn cung ngoại tệ. Với việc triển khai đồng bộ các biện pháp nêu trên, thị trường ngoại hối Việt Nam đã ổn định trở lại, hiện tượng găm giữ và tích trữ ngoại tệ đã dần được khắc phục.

Năm 2010, ngày 10/02/2010, NHNN đã quyết định điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 3,36% từ 17.961 lên 18.544 VND/1 USD, theo Thông tư số 03/2010/TT-NHNN. Mức lãi suất tiền gửi tối đa bằng USD của tổ chức kinh tế (trừ TCTD) tại TCTD cũng được NHNN điều chỉnh xuống còn 1%/năm. Bên cạnh đó, NHNN ra Quyết định số 74/QĐ-NHNN điều chỉnh giảm mạnh dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ từ 7% xuống 4% kể từ kỳ dự trữ bắt buộc tháng 02/2010. Sau khi các quyết định trên được NHNN ban hành, diễn biến tỷ giá đã có nhiều tín hiệu tích cực khi tỷ giá trên thị trường chính thức duy trì xu hướng ổn định và tỷ giá tự do gần sát với tỷ giá chính thức, thậm chí đã có những thời điểm trong tháng 4/2010, tỷ giá trên thị trường tự do đã thấp hơn cả tỷ giá của NHTM. Trạng thái ngoại tệ của

các NHTM trong những tháng đầu năm 2010 cũng được cải thiện khi các NHTM tự cân đối được cung- cầu ngoại tệ của mình. Bên cạnh đó, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ giảm cũng giúp NHTM có thêm một lượng ngoại tệ khả dụng.

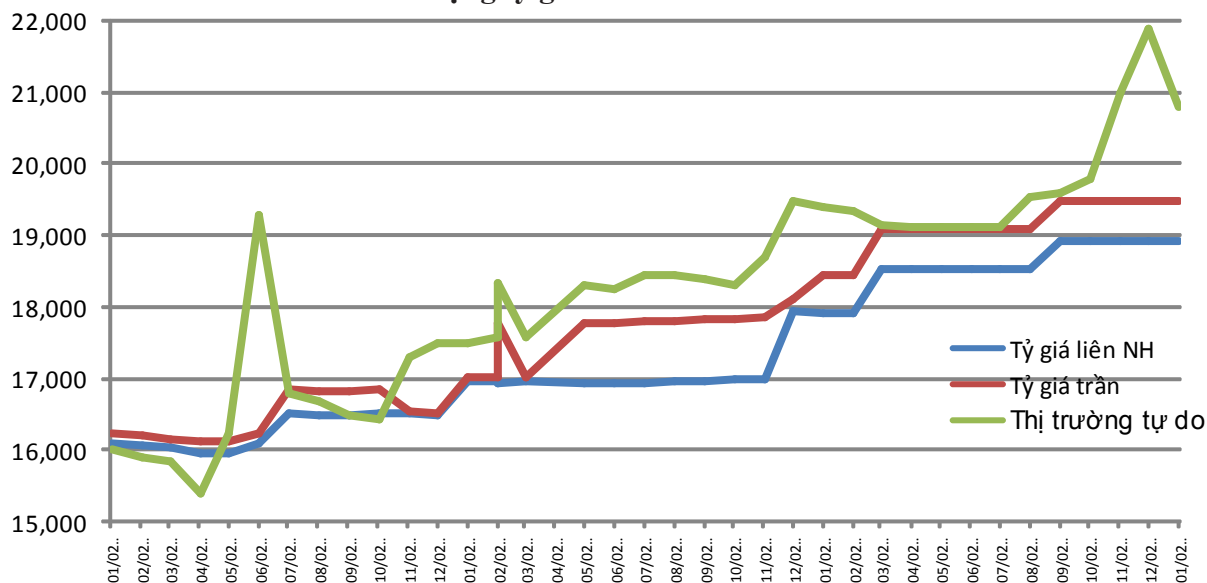
Ngày 17/8/2010, NHNN điều chỉnh tỷ giá USD/VND tăng thêm 2,1%, từ 18.544 lên 18.932 VND/1 USD, lạm phát bắt đầu tăng nhanh, đi cùng với đó là tăng trưởng tín dụng ngoại tệ tiếp tục bùng nổ. Giá vàng thế giới tăng cao tác động bất lợi, khiến cầu ngoại tệ cho nhập khẩu tăng và mối quan ngại nhập siêu cao; lãi suất huy động USD nhảy vọt và hoạt động đầu cơ ngoại tệ trở nên sôi động. Tháng 10/2010, thị trường ngoại hối đón cơn sốt tỷ giá trên thị trường tự do và kéo dài cho đến hết năm: Lần đầu tiên trong lịch sử, chênh lệch giữa giá USD trên thị trường tự do với giá USD niêm yết của các NHTM có thời điểm lên tới gần 10%.

Sự căng thẳng của tỷ giá cuối năm 2010 được chuyển tiếp sang đầu năm 2011. Ngày 11/2/2011, NHNN quyết định tăng mạnh tỷ giá tới 9,3%, từ 18.932 lên 20.693 VND/1 USD đồng thời giảm biên độ từ $\pm 3\%$ xuống còn $\pm 1\%$, áp trần lãi suất huy động USD, thực hiện kết hối và mở rộng đối tượng kết hối, xử lý loạt giao dịch bất hợp pháp trên thị trường tự do... Đầu tháng 4/2011 tỷ giá mới bắt đầu có dấu hiệu bình ổn.

Từ tháng 4/2011, NHNN liên



Biểu đồ 1. Biến động tỷ giá USD/VND từ 2008 đến 2/2011



tục mua vào USD nhằm cải thiện qui mô dự trữ ngoại tệ. Cuối năm 2011 và năm 2012 tỷ giá tương đối ổn định, không còn tình trạng chênh lệch tỷ giá giữa ngân hàng và thị trường tự do. Đây được coi là thành công rất lớn của NHNN.

2. Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ của các NHTM Việt Nam

Các biện pháp quản lý, điều hành tỷ giá từ NHNN và diễn biến thị trường đã tác động đến thực trạng hoạt động quản trị

rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ của các NHTM Việt Nam.

Quản lý bằng hạn mức trạng thái ngoại tệ

Hiện nay các NHTM quản trị rủi ro hối đoái chủ yếu thông qua hạn mức trạng thái ngoại tệ. *Trạng thái ngoại tệ là chênh lệch giữa tổng tài sản Có và tổng tài sản Nợ của một ngoại tệ.* Trạng thái ngoại tệ cuối ngày được tính trên cơ sở trạng thái ngoại tệ ngày hôm trước và chênh lệch giữa doanh số mua và doanh số bán phát sinh

trong ngày của ngoại tệ đó, bao gồm cả giao dịch Spot và giao dịch Forward.

Trên cơ sở quy định về trạng thái ngoại tệ của NHNN theo Thông tư số 07/2012/TT-NHNN quy định về trạng thái ngoại tệ của các TCTD, các NHTM tự xây dựng và quy định trạng thái ngoại tệ cuối ngày cho mình và cho từng chi nhánh theo từng thời điểm của thị trường. Theo đó, tổng trạng thái ngoại tệ cuối ngày của toàn hệ thống không được vượt quá giới hạn quy định của NHNN. Trạng thái ngoại tệ tại chi nhánh được phân bổ với các hạn mức dương và âm khác nhau tùy theo tình hình và khả năng kinh doanh của mỗi chi nhánh.

Ngoài ra, các ngân hàng cũng quy định cho phép dung sai trong khoảng ±10% trạng thái ngoại tệ cuối ngày mà chi nhánh được phép nắm giữ.

Như vậy, tổng trạng thái ngoại tệ của chi nhánh (trạng

Bảng 1. Các lần điều chỉnh biên độ tỷ giá của NHNN

Số quyết định	Ngày ký	Ngày hiệu lực	Biên độ dao động được phép
65/1999/QĐ-NHNN7	25/02/1999	25/02/1999	+0,1%
679/2002/QĐ-NHNN	01/07/2002	01/07/2002	±0,25%
2554/QĐ-NHNN	31/12/2006	02/01/2007	±0,5%
3039/QĐ-NHNN	24/12/2007	25/12/2007	±0,75%
504/QĐ-NHNN	07/03/2008	10/03/2008	±1%
1436/QĐ-NHNN	26/06/2008	27/06/2008	±2%
2635/QĐ-NHNN	06/11/2008	07/11/2008	±0,3%
622/QĐ-NHNN	23/03/2009	24/03/2009	±5%
2666/QĐ-NHNN	25/11/2009	26/11/2009	±3%
2618 /QĐ -NHNN	10/02/2011	11/02/2011	±1%



Bảng 2. Hạn mức trạng thái ngoại tệ tại các chi nhánh

Phân nhóm	Trạng thái ngoại tệ được phép duy trì	
	USD	Ngoại tệ khác quy USD
Nhóm 1	±2,500,000.00	±500,000.00
Nhóm 2	±2,000,000.00	±400,000.00
Nhóm 3	±1,000,000.00	±300,000.00
Nhóm 4	±500,000.00	±200,000.00
Nhóm 5	±300,000.00	±200,000.00

thái ngoại tệ nội bảng + trạng thái ngoại tệ ngoại bảng) nếu vượt hạn mức cho phép sẽ phải bán hoặc phải mua ngoại tệ với Hội sở chính. Trong trường hợp biến động tỷ giá, các ngân hàng sẽ chủ động kịp thời ứng phó và hạn chế rủi ro bằng cách cân đối trạng thái ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng hay trên thị trường quốc tế hoặc sử dụng các hợp đồng phái sinh để hạn chế rủi ro hối đoái.

Quy định hạn mức giao dịch, hạn mức lỗ đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ quốc tế

Đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ trên thị trường quốc tế, các ngân hàng quy định trạng thái ngoại tệ theo

ngày đối với từng giao dịch viên (GDV-dealer) và hạn mức lỗ tối đa cho mỗi giao dịch viên tính theo 01 ngày, 01 tháng và 01 năm. Đây là bộ phận trực tiếp tham gia mua bán ngoại tệ trên thị trường quốc tế bằng cách tạo trạng thái ngoại tệ, hay nói cách khác là bộ phận đầu cơ tỷ giá.

Do tính chất phức tạp của thị trường ngoại tệ quốc tế nên hoạt động mua bán ngoại tệ nhằm mục đích đầu cơ được các ngân hàng đánh giá là có rủi ro cao. Vì vậy, việc quy định cụ thể theo hạn mức giao dịch cho mỗi một lần tạo trạng thái ngoại tệ và hạn mức lỗ tối đa trong ngày, tháng và năm được các NHTM xây dựng khá

chặt chẽ nhằm hạn chế rủi ro hối đoái, nhất là trong trường hợp thị trường ngoại tệ có những biến động mạnh.

Đứng ở góc độ là nhà quản lý rủi ro, cho dù việc duy trì trạng thái ngoại tệ âm hay dương thì ngân hàng luôn tồn tại rủi ro biến động tỷ giá. Kể cả duy trì trạng thái ngoại tệ là đúng theo quy định của NHNN, song với biến động tỷ giá trên thị trường ngoại tệ lại tạo ra những rủi ro tiềm ẩn khi mà dự đoán của ngân hàng không đúng như mong muốn.

Cân bằng trạng thái ngoại tệ

Tại phòng kinh doanh ngoại tệ của NHTM thường xuyên xuất hiện các trạng thái ngoại tệ do hàng ngày có các luồng luân chuyển vốn bằng ngoại tệ. Như đã nêu ở phần trên, để hạn chế rủi ro hối đoái, NHTM phải đưa ra các hạn mức của trạng thái ngoại tệ, khi vượt quá hạn mức này thì cần phải cân bằng trạng thái ngoại tệ dư thừa hay thiếu hụt này để tránh rủi ro (bao gồm trạng thái ngoại tệ âm, dương của các loại ngoại tệ), các trạng thái ngoại tệ kỳ hạn... nhằm mục đích duy trì trạng thái ngoại tệ theo đúng quy định của NHNN cũng như xem xét duy trì trạng thái ngoại tệ nào là ít rủi ro và có lợi.

Hạn chế rủi ro hối đoái bằng các kỹ thuật dự đoán tỷ giá

Dự đoán tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn, nhằm giúp việc kinh doanh ngoại tệ của ngân hàng có những phản ứng thích hợp để hạn chế rủi ro đến mức thấp

Bảng 3. Trạng thái ngoại tệ và các hạn mức giao dịch, hạn mức lỗ

Tên GDV	Trạng thái ngoại tệ trong ngày	Trạng thái ngoại tệ qua đêm	Hạn mức mỗi giao dịch
A	1.000.000,00	500.000,00	1.000.000,00
B	1.000.000,00	500.000,00	1.000.000,00
C	1.000.000,00	500.000,00	1.000.000,00
D	750.000,00	500.000,00	750.000,00
HẠN MỨC LỖ (đơn vị USD)			
Tên GDV	ngày	tháng	Năm
A	3.500,00	5.500,00	14.000,00
B	3.500,00	5.500,00	14.000,00
C	3.000,00	5.000,00	14.000,00
D	2.000,00	4.000,00	8.000,00
Tổng hạn mức lỗ	12.000,00	20.000,00	50.000,00



nhất là một biện pháp hạn chế rủi ro hối đoái hết sức quan trọng mà NHTM đang sử dụng. Việc dự đoán tỷ giá dựa trên một số những phương pháp phân tích sau: Phân tích cơ sở (*Fundamental Analysis*), phân tích dựa trên cán cân thanh toán, phân tích dựa trên ngang giá sức mua, phân tích dựa trên danh mục đầu tư, phân tích kỹ thuật.

Sử dụng các công cụ phái sinh để hạn chế rủi ro hối đoái

NHTM thường sử dụng 3 công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro hối đoái:

(i) *Sử dụng hợp đồng kỳ hạn*: Thông qua hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn, ngân hàng cố định tỷ giá bán hay tỷ giá mua với khách hàng, đồng thời cố định luôn các khoản phải chi, thu bằng nội tệ. Mục đích của hợp đồng kỳ hạn là nhằm loại trừ những khả năng không chắc chắn về tỷ giá giao ngay tại thời điểm các khoản phải trả bằng ngoại tệ đến hạn.

(ii) *Sử dụng hợp đồng hoán đổi*: Thông qua hợp đồng này, ngân hàng có thể thỏa mãn nhu cầu tiền tệ hiện tại của mình, mặt khác có được sự cam kết về số lượng ngoại tệ sẽ nhận được trong tương lai theo một tỷ giá biết trước. Sử dụng hợp đồng hoán đổi giúp cho ngân hàng không những đảm bảo vốn, giữ nguyên trạng thái hối đoái của ngân hàng mà còn giúp ngân hàng kiếm lời nhờ phân chênh giữa hai tỷ giá.

(iii) *Sử dụng hợp đồng quyền chọn*: Ngân hàng trả một khoản phí quyền chọn và chỉ

thực hiện hợp đồng khi thấy có lợi cho mình. Khi đó, rủi ro hối đoái nằm trong tầm kiểm soát của ngân hàng.

3. Hạn chế, vướng mắc trong quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ của ngân hàng
Thiếu một chiến lược quản trị rủi ro hối đoái tổng thể, đồng bộ

Quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ là một cấu phần trong hệ thống quản trị rủi ro tổng thể của một NHTM. Trong khi đó, các NHTM chưa xây dựng được một khung quản trị rủi ro toàn diện. Các công việc phục vụ cho quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ mới được triển khai một cách nhỏ lẻ, thiếu tập trung, mang tính nhất thời, không ổn định và chưa thể hiện rõ tầm chiến lược. Phương pháp và công cụ quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ còn rất đơn giản, dựa trên những phân tích tĩnh và đo lường định tính, nặng về hậu kiểm và theo kinh nghiệm là chính. Các nghiệp vụ trên thị trường ngoại tệ còn nghèo nàn, chủ yếu kinh doanh ngoại tệ theo phương thức giao ngay, các hình thức khác chưa phát triển nên việc áp dụng các nghiệp vụ vào quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ còn gặp nhiều hạn chế.

Hạn chế trong áp dụng công nghệ tiên tiến

Tuy các NHTM Việt Nam đã có nhiều cố gắng trong đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ nhưng việc áp dụng rộng rãi công nghệ vào hoạt động kinh doanh ngoại tệ đối với toàn hệ thống vẫn còn nhiều

bất cập. Các phần mềm công nghệ thông tin về quản trị rủi ro có chi phí cao, nhưng lại chưa tương thích với hệ thống kế toán của Việt Nam nên các ngân hàng gặp một số khó khăn khi áp dụng công nghệ vào quản trị rủi ro của mảng kinh doanh ngoại tệ.

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ

Nguồn nhân lực đảm nhiệm công tác quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ còn nhiều hạn chế, chưa được đào tạo cơ bản về lĩnh vực này; mới được truyền thụ và tiếp thu những kiến thức chung về kinh doanh ngân hàng; ít người có được những kiến thức chuyên sâu về quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ, do vậy tác nghiệp thường mang tính kinh nghiệm, chưa thật sự bài bản và khoa học.

4. Nguyên nhân của hạn chế trong quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ của NHTM Việt Nam

Các nguyên nhân khách quan

- Yếu tố hiểu biết của khách hàng về các nghiệp vụ và các biện pháp ngăn ngừa rủi ro hối đoái còn rất hạn chế. Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chỉ quen với các hoạt động mua bán ngoại tệ giao ngay mà chưa có thói quen mua bán kỳ hạn, mặc nhiên chấp nhận rủi ro về tỷ giá. Do vậy, các NHTM khó có thể mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ vốn có của thị trường như mua bán kỳ hạn, Swap, quyền chọn...

- Việt Nam hiện nay chưa có



một thị trường ngoại tệ hoàn chỉnh theo đúng nghĩa của nó mà chỉ mới ở giai đoạn sơ khai là Trung tâm giao dịch ngoại tệ và thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, chưa có các nhà môi giới ngoại tệ chuyên nghiệp (Brokers) để tạo điều kiện cho cung cầu gặp nhau (hiện nay chức năng này do Sở Giao dịch NHNN đảm nhận nhưng hoạt động không hiệu quả).

- NHNN bán ngoại tệ cho các NHTM nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường còn hạn chế về số lượng, chậm trễ về thời gian và thủ tục phức tạp.

- Các nghiệp vụ (sản phẩm quản lý rủi ro) trên thị trường ngoại tệ Việt Nam chưa phát triển, khiến cho các NHTM không có “đất” ứng dụng các nghiệp vụ phục vụ công tác quản trị rủi ro, đặc biệt là khi thị trường biến động phức tạp.

- Tình trạng đô la hóa của Việt Nam dẫn tới việc tồn tại 2 tỷ giá: Tỷ giá trên thị trường chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do (chợ đen). Trong một thời gian dài, diễn biến tỷ trên thị trường ngoại tệ chính thức thường bị áp lực bởi thị trường chợ đen. Tình trạng mua bán lách biên độ tỷ giá của NHNN diễn ra phổ biến tại nhiều NHTM.

Các nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức về rủi ro và ảnh hưởng rủi ro kinh doanh ngoại tệ của cán bộ kinh doanh chưa được toàn diện và sâu sắc. Mặt khác, kiến thức về quản trị rủi ro của các cán bộ làm công tác kinh doanh ngoại tệ chưa đáp ứng yêu cầu; họ cũng không

được cập nhật, tiếp cận với các kiến thức về kinh doanh ngoại tệ và quản trị rủi ro một cách thường xuyên.

- Việc đào tạo nhân lực kế cận đáp ứng nhu cầu công việc đòi hỏi nhiều thời gian và công sức.

- Chi phí các phần mềm quản trị rủi ro quá cao so với năng lực nên nhiều NHTM chưa thể đầu tư thiết lập phần mềm quản trị rủi ro đồng bộ như các ngân hàng nước ngoài. Các phần mềm nước ngoài lại không tương thích với hệ thống kế toán Việt Nam nên việc đầu tư phần mềm quản trị rủi ro không hiệu quả.

- Ngân hàng chưa có cơ chế cho việc đãi ngộ và khuyến khích cán bộ có hiệu quả kinh doanh tốt trong lĩnh vực kinh doanh ngoại tệ.

5. Giải pháp quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại NHTM Việt Nam

Những biện pháp quản trị rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ của các NHTM Việt Nam đã có những đóng góp nhất định vào công tác quản trị rủi ro chung của các ngân hàng cũng như rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ. Tuy nhiên, kinh doanh ngoại tệ tiềm ẩn rủi ro rất lớn, đòi hỏi ngân hàng phải có chiến lược cụ thể, những giải pháp, biện pháp đa dạng và áp dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào phân tích, quản trị rủi ro.

Một là, hoàn thiện qui trình quản trị rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ

Qui trình quản trị rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ cũng như

bất kỳ một qui trình quản trị rủi ro nào bao giờ cũng gồm các bước sau: (1) Nhận dạng rủi ro; (2) đo lường rủi ro, trong đó có việc thu thập các dữ liệu rủi ro, xây dựng các kịch bản và giả định, cuối cùng là tính toán các mức độ rủi ro; (3) giám sát rủi ro thông qua các báo cáo rủi ro và các chiến lược đánh giá rủi ro; (4) kiểm soát rủi ro thông qua các hạn mức rủi ro và quá trình kiểm toán quản trị rủi ro.

Hai là, quy định hạn mức hợp lý (Limits) đối với từng ngân hàng và từng giao dịch viên

Để quản trị rủi ro thanh toán do các đối tác gây ra trong kinh doanh ngoại tệ, NHTM Việt Nam phải quy định hạn mức giao dịch (Forex Lines) đối với từng ngân hàng. Các hạn mức này được thiết lập tùy thuộc vào uy tín, khả năng kinh doanh và quan hệ giữa NHTM Việt Nam và ngân hàng đó. Ngân hàng cần có một bộ phận riêng để thiết lập các hạn mức này.

Trong hoạt động kinh doanh trên thị trường quốc tế (đầu cơ), để quản trị rủi ro thị trường (Market Risk) khi các giao dịch viên kinh doanh quá hạn mức và thị trường có xu hướng ngược với dự đoán của các nhà đầu cơ, NHTM Việt Nam cần đặt ra các hạn mức trạng thái trong kinh doanh. Các hạn mức này bao gồm: Hạn mức giao dịch trong ngày (Intradays limit); hạn mức qua đêm (Overnight limits); hạn mức lỗ (Stop-loss limit); hạn mức lỗ cộng dồn (Los Accumulated Limits) cho từng giao dịch viên trong



tháng; tổng trạng thái trên sổ sách (Total book limits).

Ba là, ban hành quy định nội bộ về kinh doanh ngoại tệ

Các quy định nội bộ bao gồm:

(i) Phân tách nhiệm vụ: Chức năng của bộ phận giao dịch (Dealing Room) và bộ phận hậu phòng Back office cần phải tách biệt một cách rõ ràng.

(ii) Quy định về giờ giấc giao dịch: Việc quy định rõ ràng giờ giấc thực hiện giao dịch sẽ giúp cho các giao dịch viên tránh được các rủi ro khi thị trường địa phương đóng cửa, khiến ngân hàng không đóng được trạng thái như mong muốn. NHTM Việt Nam nên có quy định về nguyên tắc cho phép các nhân viên giao dịch thực hiện giao dịch 24/24 nhưng ưu tiên việc kinh doanh trong giờ địa phương, việc kinh doanh ngoài giờ địa phương (tại các thị trường khác) chỉ để đóng các trạng thái còn tồn lại đến cuối giờ mà chưa đóng được.

(iii) Các chỉ dẫn thanh toán: Các chỉ dẫn thanh toán chuẩn phải được thống nhất với các đối tác giao dịch với mục đích tiết kiệm thời gian, giảm bớt sai sót và thành một thông lệ chung. Việc truy nhập vào các hệ thống máy tính, ví dụ như phát lệnh chuyển tiền bằng SWIFT cần phải quản lý rất chặt chẽ. Việc qua nhiều nấc kiểm tra đã tránh được rất nhiều sai sót và rủi ro xảy ra trong việc thanh toán.

(iv) Xác minh và kiểm toán nội bộ: Việc xác minh lại (Verification) trong hệ thống

quản trị rủi ro của các ngân hàng hiện đại đã tỏ ra rất hữu hiệu trong công tác quản lý rủi ro, nội dung bao gồm: (1) Kiểm tra các thông tin đã được ghi vào hệ thống kế toán chưa, việc xác nhận lại các thông tin trên các giấy tờ giao dịch đã chính xác chưa; (2) định giá lại các trạng thái ngoại tệ một cách độc lập với phòng kinh doanh ngoại tệ; (3) kiểm tra lại và đảm bảo các trạng thái luôn trong giới hạn cho phép hoặc là sự vượt mức đã được đồng ý bởi Ban lãnh đạo ngân hàng. Việc xác minh này được thực hiện bởi bộ phận hậu phòng và được kiểm soát lại bởi bộ phận kiểm soát rủi ro.

Bộ phận kiểm toán nội bộ phải kiểm soát hoạt động của bộ phận hậu phòng (Back Office) và bộ phận kinh doanh (Front Office).

Bốn là, nâng cao trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, thiết lập các phần mềm quản trị rủi ro

Trang thiết bị kỹ thuật và các phần mềm quản trị rủi ro là những công cụ rất quan trọng, giúp người quản lý có đầy đủ các thông tin chính xác về rủi ro trong hoạt động của mình. Với các phần mềm đánh giá rủi ro trong hoạt động kinh doanh đầu cơ có thể đánh giá lãi/lỗ cho từng giao dịch viên và cho phép người quản lý kiểm soát rủi ro trong việc kinh doanh một cách dễ dàng.

Ngoài ra, các hệ thống chuyên dụng khác cũng góp phần vào việc quản trị rủi ro như hệ thống môi giới yết giá điện tử (EBS- Electronics

Brokerage Systems), hệ thống phần mềm chuyên dụng phục vụ cho bộ phận hậu phòng (Back Office).

- Hệ thống quản lý thông tin MIS (Management Information System)- hệ thống quản lý thông tin chung cho toàn bộ ngân hàng- cũng cần phải được đầu tư nhằm phục vụ việc quản lý thông tin nói chung và việc quản trị rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh ngoại tệ trong mối tương quan với quản trị rủi ro nói chung của ngân hàng.

- Đầu tư các phần mềm nhằm phục vụ công tác quản trị rủi ro, ví dụ như phần mềm VaR, để dự tính giá trị có thể tổn thất, làm căn cứ đặt ra các hạn mức. Tuy nhiên cần chú ý rằng, các con số VaR sẽ thay đổi ngay khi các trạng thái vốn thay đổi nên ngân hàng cần có một phần mềm tốt có thể tính toán chính xác các giá trị VaR này.

Năm là, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh ngoại tệ và có chính sách đãi ngộ hợp lý

Việc đào tạo cán bộ kinh doanh ngoại tệ có chuyên môn vững vàng quyết định việc thành bại trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Công tác đào tạo cán bộ kinh doanh ngoại tệ cần đáp ứng được yêu cầu về trình độ nghiệp vụ kinh doanh cao và việc nghiên cứu thị trường chặt chẽ, đòi hỏi các cán bộ có tính năng động nhạy bén, có khả năng phân tích đánh giá xu hướng biến động của thị trường trong nước.

Kinh doanh ngoại tệ trên thị trường quốc tế là một công



việc căng thẳng, đòi hỏi cán bộ phải nhạy bén, có đầu óc phán đoán và chịu được áp lực công việc cao do các đối tác trên thị trường quốc tế là những người có chuyên môn rất cao, giàu kinh nghiệm. Chính vì vậy, ngân hàng cần có các chính sách khen thưởng hợp lý đối với các cán bộ kinh doanh giỏi, cần quy định mức thưởng gắn liền với mức lợi nhuận đạt được trong từ kỳ nhằm khuyến khích các cán bộ kinh doanh ngoại tệ ngày càng phát huy hơn khả năng của mình và tinh thần trách nhiệm với đồng vốn kinh doanh của ngân hàng, kích lệ khách hàng gắn bó với ngân hàng

Sáu là, tăng cường khả năng dự đoán tỷ giá và đa dạng hoá các loại ngoại tệ trong kinh doanh

Việc dự đoán tỷ giá hối đoái cũng như chiều hướng biến động của tỷ giá là điều rất quan trọng trong công tác quản trị rủi ro kinh doanh ngoại tệ, đồng thời tận dụng được các cơ hội kinh doanh ngoại tệ để thu được lợi nhuận cao. Việc đánh giá đúng chiều hướng của tỷ giá sẽ mang lại nguồn lợi lớn cho ngân hàng, nhưng nếu dự đoán sai cũng sẽ gây ra các tổn thất lớn.

Cán bộ kinh doanh ngoại tệ cần nắm vững các phương pháp phân tích chiều hướng của giá cả trong tương lai, như phương pháp phân tích kỹ thuật (Technical Analysis) và phân tích thị trường theo các tin tức hiện thời (Fundamental Analysis).

Phương pháp phân tích kỹ thuật là việc nghiên cứu các hành vi của thị trường, dự đoán sự biến động của tỷ giá dựa trên cơ sở phân tích các đồ thị và nghiên cứu các quy luật thay đổi của tỷ giá đã diễn ra trong quá khứ. Phương pháp phân tích kỹ thuật dựa trên 3 giả thuyết cơ bản là: (1) Tất cả các thông tin có thể gây ảnh hưởng tác động tới thị trường được phản ánh qua sự thay đổi tỷ giá; (2) tỷ giá vận động theo hướng của nó; (3) lịch sử được lặp lại, tức là nghiên cứu sự thay đổi của tỷ giá trong quá khứ có thể đoán được xu hướng vận động của tỷ giá trong tương lai. Từ đó, lý thuyết này đưa ra các khái niệm như các mức mua có lợi và bán có lợi (Support và Resistance) và các mẫu hình đồ thị chuẩn (Patterns). Nếu tỷ giá chạy theo giai đoạn đầu của các mẫu hình đã định thì có khả năng sẽ chạy tiếp theo mẫu đồ thị trong tương lai. Ngoài ra, lý thuyết này cũng đưa ra các nguyên lý cơ bản dựa trên cơ sở phân tích đồ thị, từ đó có thể giúp các giao dịch viên phân tích dự đoán tỷ giá trong tương lai.

Phương pháp phân tích thị trường theo các tin tức hiện thời (Fundamental Analysis) dựa trên các tin tức của thị trường để đoán chiều hướng của tỷ giá trong tương lai. Lý thuyết này nghiên cứu nguyên nhân của sự thay đổi của tỷ giá. Dựa vào các thông tin trên thị trường, các chỉ số kinh tế..., các nhà phân tích

dự đoán về chiều hướng của tỷ giá trong tương lai. Tuy nhiên, có những thông tin gây ra biến đổi lớn về tỷ giá trong trường hợp này, nhưng trong trường hợp khác lại không ảnh hưởng gì tới tỷ giá. Điều này đòi hỏi cán bộ kinh doanh ngoại tệ của NHTM Việt Nam cần am hiểu thông tường cả hai phương pháp trên và cần phải biết kết hợp cả hai phương pháp trong việc dự đoán tỷ giá.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quang Hào, *Kinh doanh ngoại hối*, NXB Thống kê năm 2010.
2. ThS. Nguyễn Thị Hồng, *Đô la hóa và điều hành chính sách tiền tệ ở Việt Nam*, Tạp chí Ngân hàng số 5/2011.
3. TS Kiều Hữu Thiện, *Hợp đồng quyền chọn trong phòng ngừa rủi ro hối đoái- vấn đề lý luận và thực tiễn tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, Số tháng 3/2012
4. NHNN, *Quyết định 230/QĐ-NHNN ngày 11/02/2011 v/v Ban hành một số quy định liên quan đến giao dịch ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh hối đoái*.
5. Báo cáo thường niên các NHTM
6. Alastair Graham, "Foreign Exchange Market", NXB Fitzroy Dearbrn, 2003.
7. Shamah, "Foreign Exchange Premier", NXB John & Sons, 2002.
8. Takagi Shinji and Pham Thi Hoang Anh (2011), *Responding to the global financial crisis: Vietnamese exchange rate policy, 2008-2009*, Journal of Asian Economics, Vol. 22, No.6, 507-517, December 2011.
9. www.sbv.gov.vn; www.gso.gov.vn; www.imf.org; gftforex.com; reuters.com